

BẢNG TÍNH SỐ LIỆU TIỀN NƯỚC KTX NHÀ K3 NĂM 2015

Tháng 5 năm 2015

Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (11.500* 10%)	Thành tiền	Ghi chú
101	8	663	681	18	12.650	227.700	
102	8	739	754	15	12.650	189.750	
103	7	522	531	9	12.650	113.850	
104	8	455	472	17	12.650	215.050	
105	7	448			12.650	0	
106	8	464	478	14	12.650	177.100	
107	PSHC				12.650	0	
108					12.650	0	
109	8	583	594	11	12.650	139.150	
110	8	288	294	6	12.650	75.900	
111	7	461	477	16	12.650	202.400	
112	8	708	719	11	12.650	139.150	
113	8	480	499	19	12.650	240.350	
114	7	433	452	19	12.650	240.350	
201	8	597	617	20	12.650	253.000	
202	5	436	451	15	12.650	189.750	
203	7	1142	1167	25	12.650	316.250	
204	4	578	589	11	12.650	139.150	
205	8	751	787	36	12.650	455.400	
206	5	665	682	17	12.650	215.050	
207	7	1047	1074	27	12.650	341.550	
208	8	784	811	27	12.650	341.550	
209	8	960	980	20	12.650	253.000	
210	8	954	962	8	12.650	101.200	
211	8	1213	1250	37	12.650	468.050	
212	7	724	736	12	12.650	151.800	
213	7	785	804	19	12.650	240.350	
214	6	789	807	18	12.650	227.700	
301	7	731	750	19	12.650	240.350	
302	8	694	710	16	12.650	202.400	
303	8	899			12.650	0	
304	7	593	613	20	12.650	253.000	
305	6	588	594	6	12.650	75.900	
306	7	782	801	19	12.650	240.350	
307	PSHC				12.650	0	
308		115	115		12.650	0	
309	8	657	677	20	12.650	253.000	

310	8	680	702	22	12.650	278.300	
311	5	591	605	14	12.650	177.100	
312	7	612	629	17	12.650	215.050	
313	6	637	652	15	12.650	189.750	
314	7	782	797	15	12.650	189.750	
401	7	719	741	22	12.650	278.300	
402	8	628	653	25	12.650	316.250	
403	8	781	800	19	12.650	240.350	
404	8	575	593	18	12.650	227.700	
405	8	433	441	8	12.650	101.200	
406	8	472	493	21	12.650	265.650	
407	8	582	601	19	12.650	240.350	
408	5	616	634	18	12.650	227.700	
409	8	404	414	10	12.650	126.500	
410	8	487	494	7	12.650	88.550	
411	8	432	444	12	12.650	151.800	
412	8	404	416	12	12.650	151.800	
413	8	564	584	20	12.650	253.000	
414	8	378	387	9	12.650	113.850	
501	7	479	491	12	12.650	151.800	
502	7	337	348	11	12.650	139.150	
503	7	341	351	10	12.650	126.500	
504	8	398	413	15	12.650	189.750	
505	8	394	411	17	12.650	215.050	
506	8	407	427	20	12.650	253.000	
507	7	253	264	11	12.650	139.150	
508	8	211	219	8	12.650	101.200	
509	8	437	456	19	12.650	240.350	
510	8	244			12.650	0	
511	8	231	243	12	12.650	151.800	
512	8	360	365	5	12.650	63.250	
513	8	261	270	9	12.650	113.850	
514	8	413	425	12	12.650	151.800	
Cộng	488			1.011		12.789.150	

(Bằng chữ: Mười hai triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn một trăm năm mươi đồng)

PHÒNG QUẢN TRỊ PV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TT DV TỔNG HỢP
PHÓ GIÁM ĐỐC

TỔ KÝ TÚC XÁ

NGƯỜI ĐỌC SỐ

NGƯỜI LẬP




ThS. Ngô Xuân Hoà

ThS. Lê Xuân Hưng

Trần Xuân Nam

Dương Văn Thanh

Trần Thị Hà